ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 124 /QĐ-UBND	*Bạc Liêu, ngày 24 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 244/TTr-STC ngày 10/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định này. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu triển khai thực hiện các nội dung công việc có liên quan để đảm bảo Quỹ Bảo lãnh tín dụng hoạt động theo Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bạc Liêu; Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu, Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu và các tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, DT (QĐUB05).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 24 / 5 /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và nơi đặt trụ sở chính.

1. Tên gọi: Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu.

2. Trụ sở chính: Số 51 - 53, Phan Ngọc Hiển, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu *(cùng vị trí Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu)*; số điện thoại: 291.3820022; fax: 291.3820112; email: info@bldif.com.vn.

Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, đại diện theo pháp luật của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu.

1. Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu *(gọi tắt là Quỹ Bảo lãnh tín dụng)* là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều lệ này, Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa *(gọi tắt là Nghị định số 34/2018/NĐ-CP)* và pháp luật có liên quan. Quỹ Bảo lãnh tín dụng hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và pháp luật liên quan và Điều lệ này.

2. Quỹ Bảo lãnh tín dụng có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ Bảo lãnh tín dụng có thu nhập từ hoạt động do thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp Quỹ Bảo lãnh tín dụng có thu nhập từ hoạt động khác ngoài hoạt động bảo lãnh tín dụng thì phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Đại diện pháp luật: Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

CHƯƠNG II
NỘI DUNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Nội dung hoạt động.

1. Đối tượng được cấp bảo lãnh tín dụng.

a) Đối tượng được cấp bảo lãnh tín dụng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn, có tiềm năng phát triển nhưng chưa đủ điều kiện tiếp cận tín dụng ngân hàng ở các lĩnh vực được ưu tiên cấp tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan *(nếu có)*.

b) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn để đầu tư, sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau sẽ được ưu tiên xem xét cấp bảo lãnh tín dụng:

- Các lĩnh vực được ưu tiên cấp tín dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Các lĩnh vực hoặc dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh trong từng thời kỳ.

- Căn cứ quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục cụ thể các ngành, nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội tại tỉnh trong từng thời kỳ được Quỹ Bảo lãnh tín dụng ưu tiên xem xét cấp bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Điều kiện để được cấp bảo lãnh tín dụng.

Các đối tượng được bảo lãnh tín dụng quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ được Quỹ Bảo lãnh tín dụng xem xét cấp bảo lãnh khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay.

b) Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được thẩm định và quyết định bảo lãnh theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Có phương án về vốn chủ sở hữu tối thiểu 20% tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tại thời điểm thẩm định để xem xét cấp bảo lãnh.

d) Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, doanh nghiệp không có các khoản nợ thuế từ 01 năm trở lên theo Luật quản lý thuế và nợ xấu tại các tổ chức tín dụng. Trường hợp nợ thuế do nguyên nhân khách quan, doanh nghiệp phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

đ) Có biện pháp bảo đảm cho bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Khoản 11, Điều này và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Phạm vi bảo lãnh tín dụng.

a) Quỹ Bảo lãnh tín dụng xem xét cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tối đa bằng 100% giá trị khoản vay *(bao gồm cả vốn lưu động và vốn trung, dài hạn)* tại tổ chức cho vay. Căn cứ vào tính khả thi, mức độ rủi ro của doanh nghiệp, dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của Quỹ, Quỹ Bảo lãnh tín dụng xem xét, quyết định cụ thể mức bảo lãnh cho doanh nghiệp.

b) Bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng bao gồm một trong các trường hợp sau đây:

- Bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ gốc khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay.

- Bảo lãnh nghĩa vụ trả lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay.

- Bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay và phải được quy định cụ thể tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

c) Căn cứ vào khả năng tài chính, quản trị điều hành của Quỹ Bảo lãnh tín dụng, tính khả thi và mức độ rủi ro của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, Quỹ Bảo lãnh tín dụng xem xét, quyết định phạm vi bảo lãnh tín dụng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và phải được quy định cụ thể tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

4. Thời hạn cấp bảo lãnh tín dụng.

a) Thời hạn cấp bảo lãnh tín dụng của Quỹ Bảo lãnh tín dụng được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa các bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh tại hợp đồng tín dụng và được quy định rõ trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh ký kết giữa các bên liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Trong thời hạn cấp bảo lãnh, khách hàng không đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn là doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật thì Quỹ Bảo lãnh tín dụng tiếp tục cấp bảo lãnh tín dụng cho khách hàng theo hợp đồng bảo lãnh tín dụng đã ký với bên được bảo lãnh cho đến khi hết thời hạn bảo lãnh theo hợp đồng.

5. Đồng tiền và giới hạn cấp bảo lãnh tín dụng.

a) Đồng tiền bảo lãnh tín dụng là đồng Việt Nam *(VND)*.

b) Giới hạn bảo lãnh vay vốn đầu tư: Tổng mức bảo lãnh tín dụng của Quỹ Bảo lãnh tín dụng tính trên vốn điều lệ thực có của Quỹ Bảo lãnh tín dụng không vượt quá 15% đối với một khách hàng và không vượt quá 20% đối với một khách hàng và người có liên quan.

c) Giới hạn bảo lãnh vay vốn lưu động: Ngoài quy định về giới hạn bảo lãnh vay vốn tại điểm b Khoản này, giới hạn bảo lãnh vay vốn lưu động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng tối đa không vượt quá vốn chủ sở hữu của khách hàng thể hiện tại báo cáo tài chính của doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế của năm trước liền kề.

d) Tổng mức bảo lãnh tín dụng của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các bên được bảo lãnh quy định tại điểm b và điểm c của khoản này tối đa không vượt quá 03 lần vốn điều lệ thực có của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

6. Chi phí hoạt động bảo lãnh tín dụng.

a) Các chi phí liên quan đến hoạt động bảo lãnh tín dụng bao gồm:

- Chi phí thẩm định hồ sơ bảo lãnh tín dụng khách hàng trả cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng cùng với hồ sơ đề nghị bảo lãnh lãnh tín dụng;

- Chi phí bảo lãnh tín dụng tính trên số tiền được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh. Thời hạn thu phí bảo lãnh tín dụng được ghi trong hợp đồng bảo lãnh theo thỏa

thuận giữa Quỹ Bảo lãnh tín dụng và bên được bảo lãnh, phù hợp với thời hạn bảo lãnh tín dụng.

b) Quỹ Bảo lãnh tín dụng trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các mức chi phí cụ thể theo quy định tại điểm a khoản này trong từng thời kỳ để Quỹ Bảo lãnh tín dụng có căn cứ thực hiện.

c) Việc miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng thực hiện theo quy định tại Quy chế quy định cụ thể về các trường hợp, lĩnh vực được miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng. Nguyên tắc để xác định mức độ miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng bao gồm:

- Thuộc lĩnh vực được miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.

- Phù hợp với khả năng tài chính của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

- Thẩm quyền phê duyệt đối với từng trường hợp cụ thể là Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

7. Hồ sơ đề nghị bảo lãnh tín dụng.

a) Giấy đề nghị bảo lãnh tín dụng của bên được bảo lãnh.

b) Các văn bản, tài liệu chứng minh bên được bảo lãnh có đủ các điều kiện được bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều này và các tài liệu khác có liên quan theo quy định của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

c) Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đề nghị bảo lãnh trực tiếp tại trụ sở của Quỹ Bảo lãnh tín dụng hoặc qua bưu điện đến địa chỉ của trụ sở của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

d) Giám đốc trình Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng ban hành quy định cụ thể về thành phần hồ sơ khách hàng đề nghị bảo lãnh tín dụng quy định tại Khoản này.

8. Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp bảo lãnh tín dụng.

a) Bên bảo lãnh có trách nhiệm thẩm định tính đầy đủ của các hồ sơ, tài liệu do bên được bảo lãnh gửi đến; thực hiện thẩm định tính hiệu quả, khả năng hoàn trả vốn vay của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh và các điều kiện bảo lãnh khác theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Quỹ Bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy trình thẩm định tính hiệu quả, khả năng hoàn trả vốn vay của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh của bên được bảo lãnh theo nguyên tắc đảm bảo tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm, nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức liên quan trong quá trình thẩm định và quyết định cấp bảo lãnh tín dụng.

c) Chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ xin bảo lãnh tín dụng hợp lệ, phải hoàn thành xem xét việc bảo lãnh tín dụng cho bên được bảo lãnh. Quyết định bảo lãnh tín dụng cho bên được bảo lãnh được thực hiện bằng văn bản dưới hình thức hợp đồng bảo lãnh tín dụng giữa, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh. Trường hợp từ chối không cấp bảo lãnh tín dụng, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do không chấp thuận cho bên được bảo lãnh.

9. Hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

a) Hợp đồng bảo lãnh tín dụng do 03 bên (*gồm: Bên Quỹ Bảo lãnh tín dụng, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh*) thỏa thuận, ký kết nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định tại Điều lệ này và bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tên, địa chỉ của Quỹ Bảo lãnh tín dụng, bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh.

- Địa điểm, thời điểm ký hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

- Nghĩa vụ trả nợ gốc, trả nợ lãi.

- Thời hạn hiệu lực và chi phí bảo lãnh tín dụng quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Mục đích, nội dung bảo lãnh tín dụng.

- Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai Điểm b, Khoản 15 và Điểm c, Khoản 15 Điều lệ này.

- Biện pháp bảo đảm bảo lãnh quy định tại Khoản 11 Điều này;

- Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng bên *(bên Quỹ Bảo lãnh tín dụng, bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh)* trong quá trình thực hiện bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thỏa thuận về các biện pháp thu hồi nợ bên nhận bảo lãnh phải thực hiện sau khi bên được bảo lãnh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho bên nhận bảo lãnh và phương thức để chứng minh đã thực hiện các biện pháp này trước khi thông báo cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thỏa thuận cụ thể về việc xử lý trong trường hợp Quỹ Bảo lãnh tín dụng trả nợ thay *(gồm lãi suất, thời hạn)* cho bên được bảo lãnh.

- Thỏa thuận về cách thức, nội dung giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo lãnh.

- Những thỏa thuận khác phục vụ cho yêu cầu quản lý của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

b) Khi có sự thay đổi các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, bên được bảo lãnh phải có trách nhiệm thông báo Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho xem xét chấp thuận việc điều chỉnh hợp đồng bảo lãnh tín dụng. Hợp đồng bảo lãnh tín dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ khi các bên có liên quan thỏa thuận và thống nhất.

c) Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng xây dựng mẫu hợp đồng bảo lãnh tín dụng đảm bảo tuân thủ các nội dung quy định tại điểm a khoản này và trình Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng phê duyệt.

10. Chứng thư bảo lãnh.

a) Bảo lãnh vay vốn của Quỹ Bảo lãnh tín dụng được thực hiện bằng văn bản dưới hình thức Chứng thư bảo lãnh.

b) Nội dung của Chứng thư bảo lãnh bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tên, địa chỉ của Quỹ Bảo lãnh tín dụng, bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh.

- Ngày phát hành chứng thư bảo lãnh, nghĩa vụ trả nợ gốc, trả nợ lãi.

- Điều kiện cụ thể việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

- Thời hạn hiệu lực của chứng thư bảo lãnh.

- Các hồ sơ liên quan đến việc đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng của bên nhận bảo lãnh đối với Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

- Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện các nội dung trong chứng thư bảo lãnh; quy định các nội dung liên quan đến nội dung, xử lý giải quyết tranh chấp nếu phát sinh.

- Các biện pháp thu hồi nợ bên nhận bảo lãnh phải thực hiện sau khi bên được bảo lãnh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho bên nhận bảo lãnh và phương thức chứng minh đã thực hiện các biện pháp này trước khi thông báo cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Các nội dung khác theo thỏa thuận của các bên có liên quan.

c) Chứng thư bảo lãnh được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ khi các bên có liên quan thỏa thuận và thống nhất cụ thể.

d) Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng xây dựng mẫu chứng thư bảo lãnh đảm bảo tuân thủ các nội dung quy định tại khoản này và trình Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng phê duyệt.

11. Biện pháp bảo đảm cho hoạt động bảo lãnh vay vốn.

a) Các biện pháp bảo đảm cho hoạt động bảo lãnh vay vốn của Quỹ Bảo lãnh tín dụng quy định tại Điều lệ này gồm:

- Quyền tài sản, tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng hoặc tài sản hiện có của bên thứ ba.

- Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, đảm bảo khả năng trả nợ của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng theo đánh giá của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

- Xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng theo đánh giá xếp hạng của Quỹ Bảo lãnh tín dụng là doanh nghiệp đảm bảo khả năng trả nợ cho khoản vay tại tổ chức cho vay.

b) Quỹ Bảo lãnh tín dụng đánh giá và quyết định việc sử dụng một hoặc nhiều biện pháp nhằm bảo đảm cho hoạt động bảo lãnh vay vốn và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan. Trường hợp miễn tài sản bảo đảm quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản này, Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng trình Chủ tịch Quỹ xem xét, quyết định biện pháp bảo đảm tại gạch đầu dòng thứ 2, thứ 3 điểm a khoản này theo quy định tại Quy chế về các trường hợp được miễn tài sản bảo đảm tại điểm d khoản này.

c) Trong từng trường hợp, bên được bảo lãnh thỏa thuận, thống nhất với Quỹ Bảo lãnh tín dụng về biện pháp bảo đảm và ghi cụ thể trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng quy định tại Điều lệ này.

d) Quỹ Bảo lãnh tín dụng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về các biện pháp bảo đảm, thẩm quyền quyết định đối với từng biện pháp bảo đảm, trường hợp miễn tài sản bảo đảm của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này căn cứ vào các tiêu chí: Lĩnh vực ngành nghề ưu tiên phát triển của tỉnh, điều kiện tài chính của doanh nghiệp, mức độ rủi ro của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của Quỹ Bảo lãnh tín dụng và các tiêu chí khác theo quy định.

12. Quyền và nghĩa vụ của bên bảo lãnh *(Quỹ Bảo lãnh tín dụng)*.

a) Bên bảo lãnh *(Quỹ Bảo lãnh tín dụng)* có quyền:

- Yêu cầu bên được bảo lãnh cung cấp các giấy tờ, tài liệu liên quan và chứng minh đủ điều kiện được bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

- Đề nghị bên nhận bảo lãnh chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện thấy bên được bảo lãnh có những dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

- Thu các chi phí hoạt động bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

- Thực hiện quyền của bên bảo lãnh theo cam kết với bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh.

- Từ chối cấp bảo lãnh tín dụng đối với khách hàng không đủ điều kiện bảo lãnh tín dụng nêu tại Khoản 2 Điều này.

- Không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng thuộc trường hợp Quỹ Bảo lãnh tín dụng được quyền không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nêu tại gạch đầu dòng thứ bảy điểm c Khoản 15 và điểm d Khoản 15 Điều này.

- Khởi kiện theo quy định của pháp luật khi bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ cam kết.

- Các quyền khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Nghĩa vụ của bên bảo lãnh *(Quỹ Bảo lãnh tín dụng)*.

- Thực hiện thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh do bên được bảo lãnh gửi đến.

- Phối hợp với bên nhận bảo lãnh kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn và hoàn trả nợ của bên được bảo lãnh theo quy định tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh, các quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh theo cam kết với bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh;

- Trường hợp bên bảo lãnh nắm giữ tài sản bảo đảm thì phải chuyển giao toàn bộ quyền nắm giữ tài sản thế chấp cho tổ chức cho vay ngay sau khi không đồng ý trả nợ thay cho bên được bảo lãnh.

- Cung cấp thông tin và báo cáo định kỳ, đột xuất cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

- Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

13. Quyền và nghĩa vụ bên nhận bảo lãnh.

a) Bên nhận bảo lãnh có quyền:

- Yêu cầu Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết với bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh và các thỏa thuận khác có liên quan theo quy định tại chứng thư bảo lãnh, hợp đồng bảo lãnh tín dụng, Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

- Yêu cầu bên được bảo lãnh chuyển giao quyền tiếp nhận và xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay; xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bên được bảo lãnh không trả được nợ cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng và bên nhận bảo lãnh.

- Khởi kiện theo quy định của pháp luật khi các bên vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng.

- Yêu cầu Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Các quyền khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Nghĩa vụ của bên nhận bảo lãnh:

- Thực hiện nghĩa vụ của tổ chức cho vay đối với khách hàng và theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Bộ luật dân sự, Điều lệ này và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện nghĩa vụ của bên nhận bảo lãnh được quy định tại chứng thư bảo lãnh đối với các nội dung sau:

+ Nghĩa vụ liên quan đến bên nhận bảo lãnh.

+ Thông báo của bên nhận bảo lãnh cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng bằng văn bản các nội dung liên quan đến khoản cho vay của bên được bảo lãnh.

+ Trường hợp bên nhận bảo lãnh nắm giữ tài sản bảo đảm thì bên nhận bảo lãnh phải bảo toàn tài sản thế chấp; chuyển giao tài sản thế chấp cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng khi Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bên được bảo lãnh.

+ Các nghĩa vụ khác theo quy định tại chứng thư bảo lãnh tín dụng.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay, việc hoàn trả nợ vay của bên được bảo lãnh để đảm bảo việc sử dụng vốn, tài sản hình thành từ vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ vay theo đúng cam kết tại hợp đồng tín dụng.

- Cung cấp cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng đầy đủ hồ sơ chứng minh việc giải ngân vốn vay; kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và tài sản hình thành từ vốn vay của bên được bảo lãnh khi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

- Giám sát chặt chẽ nguồn thu của bên được bảo lãnh để đôn đốc thu hồi nợ vay.

- Cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện cho vay có bảo lãnh tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

14. Quyền và nghĩa vụ của bên được bảo lãnh.

a) Bên được bảo lãnh có quyền:

- Yêu cầu Quỹ Bảo lãnh tín dụng, bên nhận bảo lãnh thực hiện các cam kết trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh.

- Các quyền khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Bên được bảo lãnh có nghĩa vụ:

- Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin và tài liệu liên quan đến việc cấp bảo lãnh theo yêu cầu của Quỹ Bảo lãnh tín dụng, bên nhận bảo lãnh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin và tài liệu này.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ Bảo lãnh tín dụng và bên nhận bảo lãnh.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng bảo lãnh tín dụng, sử dụng vốn vay đúng mục đích.

- Nộp các chi phí bảo lãnh tín dụng cho bên bảo lãnh đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại Điều lệ này.

- Trong trường hợp có phát sinh thay đổi giữa bên được bảo lãnh và bên nhận bảo lãnh ảnh hưởng đến nghĩa vụ bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng, bên được bảo lãnh phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

- Phải bồi hoàn đầy đủ cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng về những khoản nợ phát sinh mà bên bảo lãnh đã trả thay.

- Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

15. Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng.

a) Quy trình thực hiện cam kết bảo lãnh tín dụng.

- Sau khi bên được bảo lãnh không trả được nợ vay cho bên nhận bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, bên nhận bảo lãnh thông báo cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điểm b Khoản này.

- Quỹ Bảo lãnh tín dụng thẩm định các hồ sơ bên nhận bảo lãnh đề nghị thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại Điểm c Khoản này.

- Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay trong trường hợp chấp thuận trả nợ thay và không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp không đồng ý trả nợ thay theo quy định tại Điểm d Khoản này.

- Bên được bảo lãnh nhận nợ và hoàn trả Quỹ Bảo lãnh tín dụng đối với nghĩa vụ nợ đã được Quỹ Bảo lãnh tín dụng trả nợ thay.

- Xử lý rủi ro trong trường hợp không thu hồi được nợ đã trả thay cho bên được bảo lãnh.

b) Thông báo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng.

- Khi đến hạn bên được bảo lãnh không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho bên nhận bảo lãnh theo hợp đồng tín dụng đã ký, bên nhận bảo lãnh phải xác định rõ nguyên nhân không trả được nợ và có trách nhiệm áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh quy định tại Khoản 9, Khoản 10 Điều này.

- Trường hợp sau khi đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ như nêu trên mà bên được bảo lãnh vẫn không trả được nợ, bên nhận bảo lãnh phải thông báo bằng văn bản cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng về tình hình không trả được nợ của bên được bảo lãnh và đề nghị Quỹ Bảo lãnh tín dụng trả nợ thay theo hợp đồng bảo lãnh tín dụng và chứng thư bảo lãnh mà các bên đã ký kết, kèm theo các hồ sơ có liên quan chứng minh việc đã áp dụng các biện pháp thu hồi nợ mà bên được bảo lãnh vẫn không trả được nợ và hồ sơ liên quan đến khoản bảo lãnh do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh.

- Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng trình Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng quy định cụ thể về thành phần hồ sơ đề nghị trả nợ thay của bên nhận bảo lãnh.

c) Thẩm định hồ sơ đề nghị trả nợ thay của bên nhận bảo lãnh.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị trả nợ thay của bên nhận bảo lãnh quy định tại điểm b khoản này, Quỹ Bảo lãnh tín dụng phải thực hiện kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị trả nợ thay của bên nhận bảo lãnh. Nội dung thẩm định bao gồm:

- Số tiền bên nhận bảo lãnh đề nghị Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay.

- Tính hợp pháp việc giải ngân khoản vay của bên nhận bảo lãnh đối với bên được bảo lãnh trước và sau khi phát hành chứng thư bảo lãnh, đảm bảo đúng quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan đối với khoản vay.

- Việc bên nhận bảo lãnh chấp hành đầy đủ, đúng các cam kết tại các điều khoản tại chứng thư bảo lãnh và hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

- Giá trị thị trường của tài sản bảo đảm đối với trường hợp bên nhận bảo lãnh nắm giữ tài sản bảo đảm chung đối với khoản bảo lãnh và khoản vay theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

- Trường hợp đủ điều kiện bảo lãnh theo thỏa thuận tại chứng thư bảo lãnh, trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm thẩm định xong hồ sơ Quỹ Bảo lãnh tín dụng phải có văn bản chấp thuận trả nợ thay, trong đó thông báo cụ thể về thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh đối với phần nghĩa vụ đã cam kết trong Chứng thư bảo lãnh.

- Trường hợp không đủ điều kiện bảo lãnh theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng, chứng thư bảo lãnh và thuộc các trường hợp bên bảo lãnh được quyền không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại điểm d khoản này, Quỹ Bảo lãnh tín dụng có văn bản thông báo cho bên nhận bảo lãnh việc không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình và nêu rõ nguyên nhân không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

d) Các trường hợp bên bảo lãnh được quyền không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Quỹ Bảo lãnh tín dụng được quyền không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong các trường hợp sau:

- Bên nhận bảo lãnh chưa thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ đối với bên được bảo lãnh theo quy định tại khoản này.

- Bên nhận bảo lãnh vi phạm quy định của pháp luật về quy chế cho vay của tổ chức cho vay đối với khách hàng trong quá trình cấp tín dụng cho bên được bảo lãnh, không thực hiện kiểm tra, giám sát hoặc kiểm tra, giám sát không kịp thời dẫn đến việc khách hàng sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay không đúng mục đích ghi trong hợp đồng tín dụng.

- Các trường hợp khác do Quỹ Bảo lãnh tín dụng, bên nhận bảo lãnh và bên được bảo lãnh thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh tín dụng và chứng thư bảo lãnh đã ký kết.

đ) Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tín dụng.

- Sau khi gửi văn bản thông báo chấp thuận trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh quy định tại khoản này, Quỹ Bảo lãnh tín dụng sẽ thực hiện chuyển tiền cho bên nhận bảo lãnh theo thời gian tại văn bản chấp thuận trả nợ thay. Căn cứ tình hình tài chính, Quỹ Bảo lãnh tín dụng có thể thỏa thuận với bên nhận bảo lãnh về việc chuyển toàn bộ số tiền bảo lãnh một lần hoặc chuyển nhiều lần.

- Số tiền trả nợ thay bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận tại chứng thư bảo lãnh, hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

- Trước khi thực hiện chuyển tiền trả nợ thay, Quỹ Bảo lãnh tín dụng và bên nhận bảo lãnh phải hoàn thành thỏa thuận về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm chung cho khoản vay và khoản được bảo lãnh theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Nhận nợ và hoàn trả khoản nợ được bảo lãnh.

- Bên được bảo lãnh nhận nợ với Quỹ Bảo lãnh tín dụng:

+ Sau khi Quỹ Bảo lãnh tín dụng chuyển tiền trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh có trách nhiệm nhận nợ bắt buộc và hoàn trả Quỹ Bảo lãnh tín dụng số tiền bên bảo lãnh đã trả thay cho bên được bảo lãnh.

+ Bên được bảo lãnh phải trả nợ cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng gồm: Nợ gốc trả cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng (*gồm nợ gốc và lãi tại tổ chức cho vay mà Quỹ Bảo lãnh tín dụng đã trả nợ thay*), nợ lãi nhận nợ bắt buộc tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn của bên nhận bảo lãnh tại thời điểm nhận nợ, chi phí bảo lãnh chưa thu hồi được, các chi phí khác mà Quỹ Bảo lãnh tín dụng đã chi trả thay cho bên được bảo lãnh. Việc nhận nợ vay bắt buộc được thực hiện bằng Hợp đồng nhận nợ bắt buộc.

+ Căn cứ vào hợp đồng bảo lãnh tín dụng và chứng thư bảo lãnh, Quỹ Bảo lãnh tín dụng quyết định thời hạn nhận nợ bắt buộc, kỳ hạn trả nợ, lãi suất nhận nợ bắt buộc áp dụng cho khoản trả nợ thay. Thời hạn nhận nợ bắt buộc không quá 1/3 thời hạn cho vay trong hạn của khoản vay được bảo lãnh.

- Trường hợp đặc biệt, Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng báo cáo Chủ tịch Quỹ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn, giảm lãi suất nhận nợ bắt buộc đối với từng trường hợp cụ thể nêu tại điểm e *(dấu cộng thứ hai của gạch đầu dòng thứ nhất)* khoản này. Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng xem xét ban hành Quy chế về mức lãi suất nhận nợ, miễn, giảm lãi suất nhận nợ bắt buộc để Quỹ Bảo lãnh tín dụng triển khai thực hiện sau khi có ý kiến thấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trường hợp bên được bảo lãnh không thanh toán được khoản nợ vay bắt buộc khi đến hạn, Quỹ Bảo lãnh tín dụng được quyền áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro theo quy định tại Điểm i, Khoản này.

g) Chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn.

Nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn của Quỹ Bảo lãnh tín dụng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Bên được bảo lãnh đã thực hiện trả nợ đầy đủ đối với bên nhận bảo lãnh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

- Quỹ Bảo lãnh tín dụng đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh tín dụng hoặc chứng thư bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh.

- Việc bảo lãnh vay vốn được hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác khi có thỏa thuận của các bên có liên quan.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày phát hành chứng thư bảo lãnh mà không có khoản giải ngân nào của bên nhận bảo lãnh cho bên được bảo lãnh thì chứng thư bảo lãnh hết hiệu lực.

- Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh vay vốn đã hết.

- Bên nhận bảo lãnh đồng ý miễn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng hoặc nghĩa vụ bảo lãnh chấm dứt theo quy định của pháp luật.

- Theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

h) Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh.

- Phân loại nợ: Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện phân loại nợ đối với các khoản đã trả nợ thay cho bên được bảo lãnh *(khách hàng phải nhận nợ bắt buộc)* theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng.

- Trích lập quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh: Quỹ Bảo lãnh tín dụng được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh và được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ như sau:

+ Trích lập dự phòng rủi ro chung bằng 0,75%/năm tính trên số dư cam kết bảo lãnh của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

+ Trích lập dự phòng rủi ro cụ thể: Căn cứ kết quả phân loại nợ và kết quả thu chi tài chính hàng năm của Quỹ, Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro cụ thể cho những khoản đã trả nợ thay cho bên được bảo lãnh, tỷ lệ trích không quá tỷ lệ trích tối đa theo từng nhóm nợ theo quy định đối với các tổ chức tín dụng.

- Quỹ Bảo lãnh tín dụng được sử dụng quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh để bù đắp các khoản nợ cho vay bắt buộc khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khách hàng mà

không thu hồi được nợ sau khi đã sử dụng các khoản bảo hiểm rủi ro *(đối với các trường hợp mua bảo hiểm rủi ro)*. Cuối năm, nếu không sử dụng hết, số dư của quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh được chuyển sang năm tiếp theo để sử dụng.

Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh không đủ bù đắp những rủi ro bảo lãnh phát sinh trong năm thì sẽ lấy từ nguồn quỹ dự phòng tài chính theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

i) Xử lý rủi ro.

- Nguyên tắc xử lý rủi ro: Việc xử lý rủi ro của Quỹ Bảo lãnh tín dụng phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

+ Giảm thiệt hại tối đa cho nhà nước và gắn trách nhiệm của Quỹ Bảo lãnh tín dụng, bên nhận bảo lãnh, bên được bảo lãnh và các cơ quan liên quan trong việc bảo lãnh, thu hồi khoản trả nợ thay theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

- Các biện pháp xử lý rủi ro của Quỹ Bảo lãnh tín dụng bao gồm: Cơ cấu nợ, khoanh nợ, xóa nợ *(gốc, lãi)*, bán nợ và xử lý tài sản bảo đảm.

- Thẩm quyền xử lý rủi ro:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp: Xoá nợ *(gốc, lãi)*, bán nợ thấp hơn giá trị sổ sách của khoản nợ.

+ Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng quyết định các biện pháp khoanh nợ, xử lý tài sản bảo đảm.

+ Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng quyết định biện pháp cơ cấu nợ.

Cơ chế xử lý rủi ro của Quỹ Bảo lãnh tín dụng áp dụng theo hướng dẫn của văn bản pháp luật của Trung ương và cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Số tiền thu hồi được từ các khoản bảo lãnh đã được xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được bổ sung vào quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh tín dụng của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

Điều 4. Phạm vi hoạt động.

Cấp bảo lãnh tín dụng cho các DNNVV hoạt động trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 5. Thời hạn hoạt động.

Quỹ Bảo lãnh tín dụng hoạt động không thời hạn và theo quy định hiện hành của pháp luật.

CHƯƠNG III
VỐN ĐIỀU LỆ; TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN; CƠ CẤU, TỔ CHỨC CỦA QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG

Điều 6. Vốn điều lệ của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

Quỹ Bảo lãnh tín dụng có vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp và bổ sung từ nguồn vốn tích lũy được từ quá trình hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ Bảo lãnh tín dụng là: 100 tỷ đồng.

Ngân sách nhà nước có trách nhiệm cấp đủ vốn điều lệ tối thiểu nêu trên theo thời gian quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP.

Giao Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng xây dựng phương án tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cấp đủ vốn điều lệ cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018.

Điều 7. Trách nhiệm, quyền hạn của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

1. Trách nhiệm của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

a) Thực hiện cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đúng đối tượng và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ này.

b) Sử dụng vốn đúng mục đích để thực hiện bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về quy chế hoạt động, cơ chế tài chính, kế hoạch tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng và báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

e) Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro hoạt động bảo lãnh tín dụng và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

g) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

2. Quyền hạn của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

a) Tổ chức và hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định của Điều lệ này.

b) Được lựa chọn các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để quyết định cấp bảo lãnh tín dụng.

c) Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Được từ chối mọi yêu cầu của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ Bảo lãnh tín dụng nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ này.

Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm và nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 8. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng gồm có:

Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu tổ chức quản lý điều hành Quỹ Bảo lãnh tín dụng. Theo đó, tổ chức bộ máy gồm:

a) Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

b) Kiểm soát viên.

c) Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

2. Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

a) Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định *(nêu cụ thể trong văn bản ủy thác)*.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được cử làm Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

- Là công dân Việt Nam theo quy định của pháp luật;

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ.

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm.

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc và Kế toán của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

- Các tiêu chuẩn theo quy định pháp luật có liên quan *(nếu có)*.

c) Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung và dài hạn của Quỹ Bảo lãnh tín dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quyết định phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ Bảo lãnh tín dụng sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên và ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quyết định ban hành các Quy chế cấp bảo lãnh tín dụng, Quy chế quản lý tài chính và huy động vốn, Quy chế quản lý và sử dụng các quỹ, Quy chế xử lý rủi ro và các văn bản quản lý nội bộ khác quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng quyết định phương án huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua bán tài sản cố định và các hoạt động khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

- Thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Kiểm soát viên.

a) Kiểm soát viên Quỹ Bảo lãnh tín dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định *(nêu cụ thể trong văn bản ủy thác)* để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm soát việc tổ

chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch và Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng và các nội dung khác có liên quan.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Kiểm soát viên.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 10 Nghị định 34/2018/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm.

c) Chế độ hoạt động, trách nhiệm và quyền hạn, việc bổ nhiệm của Kiểm soát viên Quỹ Bảo lãnh tín dụng, mối quan hệ giữa Kiểm soát viên với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ Bảo lãnh tín dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng, phù hợp với các quy định tại Nghị định 34/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

a) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 34/2018/NĐ-CP.

b) Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng

- Tổ chức điều hành mọi hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng; thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các quyết định của Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Quỹ Bảo lãnh tín dụng; quyết định phương án đầu tư, huy động vốn, sử dụng vốn, phương án mua, bán, cho thuê, thanh lý tài sản và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

- Đề xuất, xây dựng trình Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng quyết định theo thẩm quyền về chiến lược hoạt động, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm, kế hoạch tiền lương của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan; tổ chức thực hiện các kế hoạch này sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ban hành các văn bản quản lý nội bộ và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Trình Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo yêu cầu quản lý của Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch Quỹ Bảo lãnh tín dụng *(nêu cụ thể trong văn bản ủy thác)*.

Điều 9. Tổ chức điều hành hoạt động.

1. Việc tổ chức điều hành hoạt động được thực hiện theo phương thức sau: Ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

2. Việc ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu tổ chức quản lý điều hành Quỹ Bảo lãnh tín dụng phải thực hiện thông qua văn bản ủy thác giữa hai bên, trong đó nêu rõ các nội dung: Phạm vi ủy thác, tổ chức bộ máy (*trong đó quy định rõ các nhân sự của Quỹ gồm: Chủ tịch, Giám đốc và Kiểm soát viên*); nội dung ủy thác; quy trình ủy thác; trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn giữa bên ủy thác và bên nhận ủy thác, rủi ro phát sinh, trách nhiệm của các bên và các nội dung khác có liên quan.

3. Quỹ Bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký văn bản ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu tổ chức quản lý điều hành theo quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV
CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH; KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN; THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO; GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG

Điều 10. Chế độ quản lý tài chính; kế toán, kiểm toán; thông tin và báo cáo của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện chế độ quản lý tài chính; kế toán, kiểm toán; thông tin và báo cáo của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo Chương V Nghị định số 34/2018/NĐ-CP; Quyết định số 15/2019/QĐ-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 11. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện theo Chương VI Nghị định số 34/2018/NĐ-CP; Điều 1 Chương IV Quyết định số 15/2019/QĐ-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V
CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CỦA QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG

Điều 12. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

Khi ban hành văn bản mới thay thế Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và các căn bản pháp luật có liên quan; hoặc trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh khó khăn vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ này thì Quỹ Bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 13. Xử lý tranh chấp, cơ cấu lại, giải thể, phá sản đối với Quỹ Bảo lãnh tín dụng.

Việc xử lý tranh chấp, cơ cấu lại, giải thể, phá sản đối với Quỹ Bảo lãnh tín dụng thực hiện theo Chương VII Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và các căn bản pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Chủ tịch, Giám đốc Quỹ Bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm thi hành và xây dựng trình, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Điều lệ này theo qui định.

Điều 15. Những nội dung không có quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo Chương VII Nghị định số 34/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Chiến